

Số: **260408.19** /CBTT-TEDI

V/v Công bố thông tin về năng lực đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng

Hà Nội, ngày **08** tháng 4 năm 2026

**CÔNG BỐ THÔNG TIN VỀ NĂNG LỰC ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG
THÍ NGHIỆM CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG**

Kính gửi : - Sở Xây dựng thành phố Hà Nội
- Các Chủ đầu tư/Ban Quản lý dự án, các đơn vị tư vấn thiết kế, tư vấn giám sát, nhà thầu thi công xây lắp, các tổ chức/cá nhân tham gia hoạt động xây dựng.

1. Thông tin về Tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng:

- Tên tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng:

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN THIẾT KẾ GIAO THÔNG VẬN TẢI – CTCP (TEDI)

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100107839. Đăng ký lần đầu ngày 28/9/2010, đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 03/6/2014, đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 02/10/2017, đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 21/7/2022 do Phòng đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội (nay là Sở Tài chính thành phố Hà Nội) cấp.

- Địa chỉ: số 278, phố Tôn Đức Thắng, phường Ô Chợ Dừa, thành phố Hà Nội.

- Điện thoại/Fax : (+8424).38514431; (+8424).38514980.

- Email: tedi@tedi.com.vn – Website: www.tedi.vn

- Tên phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng:

**PHÒNG THÍ NGHIỆM ĐỊA KỸ THUẬT VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG CÔNG
TRÌNH GIAO THÔNG**

- Địa chỉ đặt phòng thí nghiệm: số 237, phố Lương Thế Vinh, phường Đại Mỗ, thành phố Hà Nội.

- Mã số phòng thí nghiệm tại thời điểm công bố thông tin: LAS-XD 69 (Theo Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng số 74/GCN-BXD ngày 10/4/2023 và số 22/GCN-SXD ngày 30/5/2025 của Sở Xây dựng thành phố Hà Nội).



2. Thông tin về năng lực của tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng:

2.1. Thông tin về năng lực hoạt động thí nghiệm theo Giấy chứng nhận số 74/GCN-BXD ngày 10/4/2023 của Bộ Xây dựng.

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Máy móc, thiết bị chính để thực hiện	Thí nghiệm viên thực hiện
THỬ NGHIỆM XIMĂNG				
1	Độ mịn, khối lượng riêng	TCVN 4030:03; ASTM C184, C188, C204; AASHTO T133, T153, T192	Sàng tiêu chuẩn, cân, ...	1. Phạm Tuấn Anh 2. Giang Thị Huệ 3. Lê Thị Thanh Vân 4. Nguyễn Trung Toàn 5. Vũ Lan Hương 6. Hoàng Thị Phương Liên 7. Vũ Thị Thanh 8. Phan Ngọc Thủy 9. Nguyễn Hồng Phúc
2	Xác định độ dẻo tiêu chuẩn, thời gian đông kết và tính ổn định thể tích	TCVN 6017:15; ASTM C187, C191, C266, C451; AASHTO T131, T129	Khuôn đúc mẫu, máy trộn, thiết bị dẫn, dụng cụ thử cường độ uốn, máy thử cường độ nén, ...	
3	Xác định độ bền uốn, nén	TCVN 6016:11; ISO 679:09; TCVN 9488:12; ASTM C109; AASHTO T106	Cân, ống đong có chia vạch, máy trộn, đồng hồ bấm giây, thước, ...	
HỖN HỢP BÊ TÔNG VÀ BÊ TÔNG NẶNG				
4	Xác định độ sụt của hỗn hợp bê tông	TCVN 3106:22; EN 12350-2:09 ASTM C143; AASHTO T119; BS 1881	Côn thử độ sụt, thước lá, thanh thép tròn trơn, phễu đổ hỗn hợp, ...	
5	Thử độ cứng Vebe	TCVN 3107:22	Nhót kế Vebe, bàn rung, đồng hồ bấm giây, thanh thép tròn, trơn, ...	
6	Xác định khối lượng thể tích của hỗn hợp bê tông nặng	TCVN 3108:93; BS EN 12350-6; ASTM C138; AASHTO T121	Thùng kim loại, thiết bị đầm, thước lá, cân kỹ thuật, ...	
7	Xác định độ tách nước, tách vữa của hỗn hợp bê tông	TCVN 3109:22; ASTM C232; EN 480-4; AASHTO T158; BS EN 12350-4;	Khuôn thép, bàn rung, thanh thép tròn, cân kỹ thuật, sàng tiêu chuẩn, thước lá, tủ sấy, khay sắt, ...	
8	Xác định thành phần hỗn hợp bê tông	TCVN 3110:93; ASTM D2850; AASHTO T234; BS 1377:90	Cân kỹ thuật, sàng tiêu chuẩn, tủ sấy, khay đựng, bay, xẻng xúc hỗn hợp bê tông, ...	
9	Xác định hàm lượng bọt khí của hỗn hợp bê tông	TCVN 3111:22; ASTM C173, C231, C233; AASHTO T152; JIS A1 128:05	Bình thử bọt khí, que đầm, bàn rung, búa, thanh gạt, ...	
10	Xác định khối lượng riêng	TCVN 3112:22; ASTM C642; EN 12390-7	Bình khối lượng riêng, cân kỹ thuật, búa con, cối chày đồng, bình hút ẩm, tủ sấy, dầu hòa, cón, sàng tiêu chuẩn, ...	
11	Xác định độ hút nước	TCVN 3113:22; ASTM C642; ASTM C1585; EN 12390-7	Cân kỹ thuật, thùng ngâm mẫu, tủ sấy, khăn lau mẫu, ...	
12	Xác định độ mài mòn của bê tông	TCVN 3114:22; AASHTO T96; ASTM C131; BS 1881	Máy mài mòn, cân kỹ thuật, thước kẹp cơ khí, cát mài, ...	

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Máy móc, thiết bị chính để thực hiện	Thí nghiệm viên thực hiện	
13	Xác định khối lượng thể tích bê tông	TCVN 3115:22; ASTM C138, C642; AASHTO T121; EN 12390-7	Cân kỹ thuật, thước lá, bếp điện, thùng nấu, tủ sấy,...	1. Phạm Tuấn Anh 2. Giang Thị Huệ 3. Lê Thị Thanh Vân 4. Nguyễn Trung Toàn 5. Vũ Lan Hương 6. Hoàng Thị Phương Liên 7. Vũ Thị Thanh 8. Phan Ngọc Thúy 9. Nguyễn Hồng Phúc	
14	Xác định độ chống thấm nước của bê tông	TCVN 3116:22; DIN 1048; ASTM C1585, CRD C48; EN 12390-8	Máy thử độ chống thấm, khuôn đúc mẫu, bàn chải sắt,...		
15	Xác định cường độ nén của bê tông	TCVN 3118:22; ASTM C39, C42; AASHTO T22, T140, T42	Máy nén, thước lá, đệm truyền tải,...		
16	Xác định cường độ uốn của bê tông	TCVN 3119:22; ASTM C293, C78; AASHTO T97, T177;	Máy thử uốn, thép lá,...		
17	Xác định cường độ kéo khi bừa của bê tông	TCVN 3120:22; AASHTO T198; ASTM C496-11; ASTM B3067	Máy nén, gói truyền tải, đệm gỗ,...		
18	Xác định thời gian đông kết của bê tông	TCVN 9338:12	Lực kế và các kim xuyên tiêu chuẩn,...		
19	Xác định độ pH của vữa và bê tông	TCVN 9339:12	Máy đo độ pH, thiết bị dụng cụ lấy mẫu,...		
CÓT LIỆU CHO BÊ TÔNG, VỮA					
20	Xác định thành phần hạt	TCVN 7572-2:06; ASTM C136; AASHTO T27; JIS A1102	Bộ sàng tiêu chuẩn, cân điện tử, tủ sấy,...		
21	Xác định khối lượng riêng, khối lượng thể tích và độ hút nước của cốt liệu	TCVN 7572-4:06; ASTM C127, C128; AASHTO T84, T85; EN 1097	Cân kỹ thuật, tủ sấy, bình thủy tinh có nắp đậy, thùng ngâm mẫu, khăn thấm nước, khay đựng mẫu, sàng tiêu chuẩn, côn thử độ sụt bằng thép,...		
22	Xác định khối lượng riêng, khối lượng thể tích và độ hút nước của đá gốc và hạt cốt liệu lớn	TCVN 7572-5:06; ASTM C127; AASHTO T85; EN 1097	Cân thủy tinh, thùng ngâm mẫu, khăn thấm nước, thước kẹp, tủ sấy, bàn chải sắt, ...		
23	Xác định khối lượng thể tích và độ hồng	TCVN 7572-6:06; ASTM C29; AASHTO T19; JIS A110	Cân kỹ thuật, phễu chứa vật liệu, bộ sàng tiêu chuẩn, tủ sấy, thước lá, ...		
24	Xác định độ ẩm	TCVN 7572-7:06; ASTM C566; AASHTO T255; JIS A1125; EN 1097	Cân kỹ thuật, tủ sấy, khay đựng mẫu, ...		
25	Xác định hàm lượng bụi, bùn sét trong cốt liệu và hàm lượng sét cục trong cốt liệu nhỏ	TCVN 7572-8:06; TCVN 9205:12; ASTM C117, C142; AASHTO T11, T112; EN 933-1	Cân kỹ thuật, sàng tiêu chuẩn, tủ sấy, khay đựng mẫu, ...		
26	Xác định tạp chất hữu cơ	TCVN 7572-9:06; ASTM C40; AASHTO T21; JIS A1105, A1142	Ống đong, cân kỹ thuật, bếp cách thủy, thang màu, ...		
27	Xác định độ nén dập và hệ số hóa mềm của cốt liệu lớn	TCVN 7572-10:06	Máy nén thủy lực, sàng tiêu chuẩn, khuôn nén dập, ...		
28	Xác định cường độ và hệ số hóa mềm của đá gốc	TCVN 7572-11:06; ASTM C170, D2938	Máy nén thủy lực, máy khoan, máy cưa, thước		

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Máy móc, thiết bị chính để thực hiện	Thí nghiệm viên thực hiện
			kẹp, thùng ngâm mẫu, cân kỹ thuật, ...	1. Phạm Tuấn Anh 2. Giang Thị Huệ 3. Lê Thị Thanh Vân 4. Nguyễn Trung Toàn 5. Vũ Lan Hương 6. Hoàng Thị Phương Liên 7. Vũ Thị Thanh 8. Phan Ngọc Thúy 9. Nguyễn Hồng Phúc
29	Xác định độ hao mòn khi va đập của cốt liệu lớn trong máy Los-Angeles	TCVN 7572-12:06; ASTM C131, C535; AASHTO T98, T327	Máy mài mòn Los Angeles, cân kỹ thuật, sàng tiêu chuẩn,	
30	Xác định hàm lượng thoi dẹt trong cốt liệu lớn	TCVN 7572-13:06; ASTM D4791; AASHTO T335	Cân kỹ thuật, sàng tiêu chuẩn, thước thoi dẹt, ...	
31	Xác định khả năng phản ứng kiềm - silic	TCVN 7572-14:06; TCVN 9205:12	Cân kỹ thuật, tủ sấy, lò nung, búa, cối chày, sàng tiêu chuẩn, bình điều nhiệt, máy hút chân không, bếp cách thủy, bếp điện, chén sứ, ...	
32	Xác định hàm lượng clorua	TCVN 7572-15:06; TCVN 9205:12	Cân kỹ thuật, sàng tiêu chuẩn, khay đựng, búa, HNO ₃ , ...	
33	Xác định hàm lượng sulfat và sulfit trong cốt liệu nhỏ	TCVN 7572-16:06; AASHTO T104; ASTM C88	Cân kỹ thuật, cân phân tích, sàng, bình hút ẩm, tủ sấy, cốc nung, ...	
34	Xác định hàm lượng hạt mềm yếu, phong hóa	TCVN 7572-17:06; ASTM C142; AASHTO T112	Sàng tiêu chuẩn, cân kỹ thuật, ...	
35	Xác định hàm lượng hạt bị đập vỡ	TCVN 7572-18:06	Cân kỹ thuật, kính lúp, ...	
36	Hàm lượng mica trong cốt liệu nhỏ	TCVN 7572-20:06	Cân phân tích, tủ sấy, bộ sàng tiêu chuẩn, giấy nhám, đĩa thủy tinh, ...	
37	Xác định chỉ số ES	AASHTO T176; ASTM D2419	Bộ xác định đương lượng của cát, cân kỹ thuật, tủ sấy, ...	
38	Xác định góc nghỉ tự nhiên của cát	ASTM D1883; AASHTO T139	Ổng đong, phễu, gá đỡ, tấm kính, khay, dao gạt bằng thép, cân kỹ thuật, ...	
39	Xác định hàm lượng hạt nhẹ trong cốt liệu	ASTM C129, C123; AASHTO 11306, T113; JIS AI 141:07	Cân kỹ thuật, sàng tiêu chuẩn, thước kẹp cải tiến, ...	
40	Xác định độ bền kéo trực tiếp của mẫu đá khoan	ASTM D3967	Máy kéo, thước kẹp, ...	
41	Xác định độ bền cắt	TCVN 10323:14	Máy khoan, máy cắt, máy nén thủy lực, bộ khuôn gá, thùng ngâm mẫu, thước kẹp, đồng hồ bấm giây, ...	
42	Xác định độ bền nén 1 trục	TCVN 10324:14; ASTM D3148	Máy nén, máy cưa đá, cân kỹ thuật, ...	
43	Cát nghiền cho bê tông và vữa: Xác định hạt lượng hạt < 0,075mm, thành phần hạt, hàm lượng sét	TCVN 9205:12	Sàng tiêu chuẩn, cân kỹ thuật, lò nung, ..	
44	Xác định độ góc cạnh của cốt liệu	TCVN 8860-7:11; TCVN 11087:17	Sàng tiêu chuẩn, cân kỹ thuật, thùng đong, phễu,	

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Máy móc, thiết bị chính để thực hiện	Thí nghiệm viên thực hiện
			thanh gạt bằng thép, ...	
	BÊ TÔNG NHỰA			
45	Xác định độ ổn định, độ dẻo Marshall	TCVN 8860-1:11; AASHTO T245; ASTM D1559	Máy nén marshall, đồng hồ biến dạng, khuôn đúc mẫu, bể ổn nhiệt, bay trộn, cân kỹ thuật, thước kẹp, muôi múc, thìa, bay trộn, ...	1. Phạm Tuấn Anh 2. Giang Thị Huệ 3. Lê Thị Thanh Vân 4. Nguyễn Trung Toàn 5. Vũ Lan Hương 6. Hoàng Thị Phương Liên 7. Vũ Thị Thanh 8. Phan Ngọc Thúy 9. Nguyễn Hồng Phúc
46	Xác định hàm lượng nhựa bằng phương pháp chiết sử dụng máy quay li tâm	TCVN 8860-2:11; AASHTO T245, T27, T164; ASTM D1559, D2171	Máy quay li tâm, giấy lọc, tủ sấy, bếp điện, lò nung, khay đựng mẫu, cân, ống đong, cốc nung, bình hút ẩm, ...	
47	Xác định thành phần hạt	TCVN 8860-3:11; AASHTO T27; ASTM D1559, C136	Bộ sàng, tủ sấy, cân kỹ thuật, máy lắc sàng, ...	
48	Xác định tỷ trọng lớn nhất, khối lượng riêng của bê tông nhựa ở trạng thái rời	TCVN 8860-4:11; AASHTO T209; ASTM D2041	Bình đựng mẫu, cân, máy hút chân không, bình lọc hơi nước, áp kế, chân không kế, nhiệt kế, tủ sấy, khay đựng mẫu, ...	
49	Xác định tỷ trọng khối, khối lượng thể tích của bê tông nhựa đã đầm nén	TCVN 8860-5:11; AASHTO T245, T269; ASTM D1559, D3203	Cân, bể đựng nước, dây treo và giỏ đựng, tủ sấy, nhiệt kế, ...	
50	Xác định độ chảy nhựa	TCVN 8860-6:11; ASTM D1559; AASHTO T245, T305	Tủ sấy, rọ đựng mẫu, đĩa kim loại, cân kỹ thuật, chảo, bay, ...	
51	Xác định độ góc cạnh của cát	TCVN 8860-7:11; AASHTO T245; ASTM D1559	Ống đong, phễu, giá đỡ, tấm kính, khay đựng, dao gạt bằng thép, cân kỹ thuật, ...	
52	Xác định hệ số độ chặt lu lèn	TCVN 8860-8:11; ASTM D1559; AASHTO T245, T230	Máy nén marshall, cung lực, đồng hồ biến dạng, khuôn đúc mẫu, bể ổn nhiệt, bay trộn, cân kỹ thuật, thước kẹp, muôi múc, thìa, bay trộn, thanh gạt, ..	
53	Xác định độ rỗng dư	TCVN 8860-9:11; AASHTO T245, T269; ASTM D1559, D3203	Bình đựng mẫu, cân, máy hút chân không, bình lọc hơi nước, áp kế, chân không kế, nhiệt kế, tủ sấy, khay đựng mẫu, ...	
54	Xác định độ rỗng cốt liệu	TCVN 8860-10:11; AASHTO T245, T269; ASTM D1559, D3203	Sàng, cân kỹ thuật, tủ sấy, ...	
55	Xác định độ rỗng lấp đầy nhựa	TCVN 8860-11:11; AASHTO T245; ASTM D1559	Sàng, cân kỹ thuật, tủ sấy, bếp gia nhiệt, chảo, bay, nhiệt kế, thiết bị đầm marshall, dụng cụ tháo mẫu, ...	
56	Xác định độ ổn định còn lại	TCVN 8860-12:11; AASHTO	Máy nén marshall, đồng hồ	

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Máy móc, thiết bị chính để thực hiện	Thí nghiệm viên thực hiện	
	của bê tông nhựa	T245; ASTM D1559	biến dạng, khuôn đúc mẫu, bể ổn nhiệt, bay trộn, cân kỹ thuật, thước kẹp, muôi múc, thìa, bay trộn, ...	1.Phạm Tuấn Anh 2.Giang Thị Huệ 3.Lê Thị Thanh Vân 4.Nguyễn Trung Toàn 5.Vũ Lan Hương 6.Hoàng Thị Phương Liên 7.Vũ Thị Thanh 8.Phan Ngọc Thúy 9.Nguyễn Hồng Phúc	
57	Hệ số trương nở của bê tông nhựa	AASHTO T101	Cân, bể đựng nước, dây treo và giỏ đựng, tủ sấy, nhiệt kế,.....		
58	Cường độ chịu nén tới hạn của bê tông nhựa	AASHTO T167; ASTM D1074	Máy nén marshall, đồng hồ biến dạng, khuôn đúc mẫu, bể ổn nhiệt, bay trộn, cân kỹ thuật, thước kẹp, ...		
59	Xác định hàm lượng nước có trong hỗn hợp bê tông nhựa nóng	AASHTO T239	Cân kỹ thuật, tủ sấy, ..		
60	Xác định ảnh hưởng của nước đến hỗn hợp bê tông nhựa đầm chặt	AASHTO T283; AASHTO T167; ASTM D1075	Máy nén marshall, đồng hồ biến dạng, khuôn đúc mẫu, bể ổn nhiệt, bay trộn, cân kỹ thuật, thước kẹp, ...		
61	Phương pháp xác định mức độ các hạt được bao bọc trong hỗn hợp nhựa	AASHTO T195	Máy nén marshall, đồng hồ biến dạng, khuôn đúc mẫu, bể ổn nhiệt, bay trộn, cân kỹ thuật, thước kẹp, ...		
62	Thí nghiệm độ ổn định với nước	TCVN 12914:20	Máy nén marshall, đồng hồ biến dạng, khuôn đúc mẫu, bể ổn nhiệt, bay trộn, cân kỹ thuật, thước kẹp, ...		
63	Xác định sức kháng trượt bằng con lắc Anh	TCVN 10271:14; AASHTO T278	Con lắc Anh, thước đo, ...		
BỘT KHOÁNG TRONG BÊ TÔNG NHỰA					
64	Bột khoáng cho bê tông nhựa: Xác định thành phần hạt, lượng mất khi nung, hàm lượng nước, khối lượng riêng, khối lượng thể tích và độ rỗng dư, hệ số háo nước, hàm lượng chất hoà tan trong nước, độ trương nở thể tích, chỉ số hàm lượng nhựa	22TCN 58:84; ASTM D5329; AASHTO T27	Cân, tủ sấy, bộ sàng tiêu chuẩn, bình hút ẩm bằng thủy tinh,...		
65	Bột khoáng dùng cho hỗn hợp đá trộn nhựa: Xác định thành phần hạt, độ ẩm, hệ số thích nước	TCVN 12884-2:20	Cân, tủ sấy, bát sứ, chày, đũa thủy tinh, nước cất, ống đong, dầu hòa,...		
NHỰA BITUM					
66	Xác định độ kim lún, chỉ số kim lún PI theo phụ lục II Thông tư 27/2014/TT-BGTVT	TCVN 7495:05; ASTM D5; AASHTO T49	Thiết bị kim xuyên, kim xuyên, cốc nhôm,...		
67	Xác định độ kéo dài	TCVN 7496:05; ASTM D113; AASHTO T51	Khuôn, bể ổn nhiệt, nhiệt kế, máy kéo ,...		

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Máy móc, thiết bị chính để thực hiện	Thí nghiệm viên thực hiện	
68	Xác định điểm hóa mềm (Phương pháp vòng và bi)	TCVN 7497:05; ASTM D36; AASHTO T53	Vòng chưa mẫu, bi thép, vòng dẫn hướng, bình thủy tinh, khung treo, nhiệt kế,...	1. Phạm Tuấn Anh 2. Giang Thị Huệ 3. Lê Thị Thanh Vân 4. Nguyễn Trung Toàn 5. Vũ Lan Hương 6. Hoàng Thị Phương Liên 7. Vũ Thị Thanh 8. Phan Ngọc Thủy 9. Nguyễn Hồng Phúc	
69	Xác định điểm chớp cháy và điểm cháy bằng thiết bị thử cốc hồ Cleveland	TCVN 7498:05; ASTM D92; AASHTO T48	Thiết bị cốc hồ Cleveland, nhiệt kế, ngọn lửa thử,...		
70	Xác định tổn thất khối lượng sau gia nhiệt	TCVN 7499:05; ASTM D6; AASHTO T47	Tủ sấy, giá quay, nhiệt kế, cốc mẫu,...		
71	Xác định lượng hoà tan trong Trichloroethylene	TCVN 7500:05; ASTM D2042; AASHTO T44	Bộ thiết bị lọc, cốc, lưới sợi thủy tinh, bình lọc, ống lọc, tủ sấy, nhiệt kế, cân, bể ổn nhiệt, bình tam giác 250ml,...		
72	Xác định khối lượng riêng	TCVN 7501:05; ASTM D70; AASHTO T228	Tỷ trọng kế, bể ổn nhiệt, nhiệt kế,...		
73	Xác định độ nhớt động học, nhớt tuyệt đối	TCVN 7502:05; ASTM D2170, D2171; AASHTO T201, T202	Các nhớt kế đã được hiệu chuẩn, bể ngâm, đồng hồ bấm giây,...		
74	Xác định độ dính bám đối với đá	TCVN 7504:05; ASTM D3625; AASHTO T182	Dây buộc, bình thủy tinh, nước cất, bếp đun, nhiệt kế,...		
CƠ LÝ ĐẤT, CÁT, CẤP PHỐI ĐÁ DẦM TRONG PHÒNG					
75	Xác định khối lượng riêng (tỷ trọng)	TCVN 4195:12; AASHTO T100; ASTM D854; BS 1377	Tủ sấy, bình tỷ trọng, cân điện tử,...		
76	Xác định độ ẩm, độ hút ẩm	TCVN 4196:12; ASTM D2216; AASHTO T265; BS 1377	Tủ sấy, cân điện tử, hộp nhôm,		
77	Xác định giới hạn dẻo, giới hạn chảy	TCVN 4197:12; AASHTO T89, T90; ASTM D4318; BS 1377	Thiết bị Casagrande và dao trộn, tủ sấy, hộp nhôm, sàng tiêu chuẩn, chày cối sứ, tấm kính nhám,...		
78	Xác định thành phần cỡ hạt	TCVN 4198:14; AASHTO T88, T27, ASTM C136, D421, D422; BS 1377	Bộ sàng tiêu chuẩn, ống đong 1000ml, bình tam giác 250ml, tủ sấy, chày cối sứ, nước cất, tỉ trọng kế, ...		
79	Xác định sức chống cắt của đất	TCVN 4199:12; ASTM D3080, 3090; AASHTO T236	Máy cắt phẳng ứng biến và các phụ kiện kèm theo, dao vòng, ...		
80	Xác định tính nén lún trong điều kiện không nở hông	TCVN 4200:12; ASTM D2435; BS 1377; AASHTO T216	Máy nén tam liên, dao vòng, cân điện tử, ...		
81	Xác định độ chặt tiêu chuẩn	TCVN 4201:12; TCVN 12790:20; 22TCN 333:06; AASHTO T99, T180; ASTM D1557, D698; BS 1377	Cối dầm, cân kỹ thuật, sàng, tủ sấy, hộp nhôm, dao gạt, khay trộn mẫu, cối sứ, ...		
82	Xác định khối lượng thể tích (dung trọng)	TCVN 4202:12; ASTM D2937; AASHTO T204	Cân kỹ thuật, dao vòng, tấm kính, dao cắt mẫu, thước cặp, ...		

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Máy móc, thiết bị chính để thực hiện	Thí nghiệm viên thực hiện
83	Thí nghiệm sức chịu tải của đất (CBR)	22TCN 332:06; TCVN 12792:20; ASTM D1883; AASHTO T193; BS 1377	Thiết bị gia tải, đồng hồ đo biến dạng, cối CBR, tấm đệm, dụng cụ đo độ trương nở, tấm gia tải, bể ngâm mẫu, tủ sấy, cân, sàng, dụng cụ tháo mẫu,...	1. Phạm Tuấn Anh 2. Giang Thị Huệ 3. Lê Thị Thanh Vân
84	Xác định các chỉ tiêu của đất trên máy nén 3 trục (UU; CU; CD; CV)	TCVN 8868:11; ASTM D2580, D4767; AASHTO T296, T297; BS 1377	Máy nén ba trục, thiết bị chế tạo mẫu, cân kỹ thuật,...	4. Nguyễn Trung Toàn
85	Xác định đặc trưng tan rã của đất	TCVN 8718:12, GOST 24143	Phao nổi chuyên dụng, lưới có lỗ ô vuông, bình thủy tinh trong suốt, thiết bị dụng cụ xác định độ ẩm của đất, bình giữ ẩm, cân kỹ thuật,...	5. Vũ Lan Hương 6. Hoàng Thị Phương Liên 7. Vũ Thị Thanh 8. Phan Ngọc Thúy 9. Nguyễn Hồng Phúc
86	Xác định đặc trưng trương nở của đất	TCVN 8719:12, ASTM D4829, ASTM D4546; AASHTO T258; BS 1377	Thiết bị thí nghiệm trương nở chuyên dụng, dao vòng, cân kỹ thuật, sàng tiêu chuẩn, dao gạt đất, bộ dụng cụ chế bị mẫu,...	
87	Xác định đặc trưng co ngót của đất	TCVN 8720:12; ASTM D427, D4943; AASHTO T92	Dao vòng, thước kẹp, cân kỹ thuật, dao cắt đất, paraffin, thiết bị dụng cụ xác định độ ẩm, xác định khối lượng thể tích,...	
88	Xác định khối lượng thể tích khô lớn nhất và nhỏ nhất của đất rời	TCVN 8721:2012	Cối đầm, tủ sấy, cân kỹ thuật, sàng, khay đựng, cối sứ, thùng đựng, thước kẹp, đồng hồ bấm giây, dao trộn đất,...	
89	Xác định đặc trưng lún ướt của đất	TCVN 8722:12, BS 1377	Thiết bị thí nghiệm nén lún một chiều, cối chế bị mẫu, nước sạch,...	
90	Xác định hệ số thấm của đất	TCVN 8723:12; AASHTO T49, T215; ASTM D2434, D4511; BS 1377	Dao vòng chứa mẫu, thiết bị thí nghiệm thấm, dụng cụ chế bị mẫu, nhiệt kế, đồng hồ bấm giây, thước cặp, cân kỹ thuật, dao cắt đất, ...	
91	Xác định các đặc trưng góc nghỉ tự nhiên của đất rời	TCVN 8724:12	Vòng chứa mẫu, bi thép, vòng dẫn hướng, bình thủy tinh, khung treo, nhiệt kế,...	
92	Xác định sức chống cắt của đất bằng phương pháp cắt cánh trong phòng	TCVN 8725:12; ASTM 4648	Thiết bị cắt cánh trong phòng, dao gạt,...	
93	Xác định hàm lượng hữu cơ	TCVN 8726:12; AASHTO T194; BS 1377	Tủ sấy, cân kỹ thuật, bình hút ẩm, cốc nhỏ, sàng, khay đựng mẫu, cốc sứ và chày sứ, ...	

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Máy móc, thiết bị chính để thực hiện	Thí nghiệm viên thực hiện	
94	Xác định hàm lượng muối hòa tan trong đất	TCVN 8727:12	Cốc mỏ 50ml, ống hút 50ml, bình hút ẩm, tủ sấy, cân kỹ thuật, dung dịch H2O2 10% và nước cất,...	1.Phạm Tuấn Anh 2.Giang Thị Huệ 3.Lê Thị Thanh Vân 4.Nguyễn Trung Toàn 5.Vũ Lan Hương 6.Hoàng Thị Phương Liên 7.Vũ Thị Thanh 8.Phan Ngọc Thủy 9.Nguyễn Hồng Phúc	
95	Thí nghiệm nén 1 trục có nở hông	ASTM D2166, D2938; BS 1377; AASHTO T116, T208; BS 1377	Máy nén, đồng hồ biến dạng, đồng hồ bấm giây, cân kỹ thuật, khay đựng mẫu,...		
ĐẤT GIA CỐ CHẤT KẾT DÍNH					
96	Đất, cát gia cố xi măng: Xác định cường độ kéo khi ép chế, modun đàn hồi, cường độ kháng nén, kháng uốn	TCVN 9403:12; TCVN 8862:11; ASTM D559, D560; D1633, D1634, D1635; 22TCN 211:06	Dụng cụ đầm nén, máy nén thủy lực, dụng cụ hút chân không, bình giữ ẩm, tủ sấy, sàng tiêu chuẩn, cân kỹ thuật,.....		
97	Đất gia cố chất kết dính: Xác định đầm nén chặt, cường độ kháng ép, nén, môđun đàn hồi, độ ổn định nước sau 5 chu kỳ bão hòa sấy	TCVN 9843:13; ASTM D559, D1633, D1634, D1635; 22TCN 211:06	Dụng cụ đầm nén, máy nén thủy lực, dụng cụ hút chân không, thùng chứa mẫu, bình giữ ẩm, tủ sấy, sàng tiêu chuẩn, cân kỹ thuật, ...		
VỮA XÂY DỰNG					
98	Xác định kích thước hạt cốt liệu lớn nhất	TCVN 3121-1:22	Sàng tiêu chuẩn, cân kỹ thuật, tủ sấy, ..		
99	Xác định độ lưu động của vữa tươi	TCVN 3121-3:22; ASTM C1437; BS EN 445	Cân kỹ thuật, thước kẹp, bay, chảo trộn, bàn dẫn, ...		
100	Xác định khối lượng thể tích của vữa tươi	TCVN 3121-6:22; BS EN 445	Cân kỹ thuật, bình đong bằng kim loại, ...		
101	Xác định khả năng giữ độ lưu động của vữa tươi	TCVN 3121-8:22; ASTM C1437; ASTM C941; BS EN 445	Máy hút chân không, phễu, đồng hồ bấm giây, thiết bị thử lưu động, giấy lọc, ...		
102	Xác định thời gian bắt đầu đông kết của vữa tươi	TCVN 3121-9:22; BS EN 445	Khay đựng, cân kỹ thuật, đồng hồ bấm giây, thùng bảo dưỡng mẫu, bay, chảo trộn, ...		
103	Xác định khối lượng thể tích mẫu vữa đóng rắn	TCVN 3121-10:22; BS EN 445	Cân kỹ thuật, tủ sấy, thước kẹp, cân thủy tĩnh, ...		
104	Xác định cường độ uốn và nén của vữa	TCVN 3121-11:22; ASTM C349; BS EN 445	Khuôn mẫu, chày đầm mẫu, thùng bảo dưỡng, tấm kính, máy thử uốn, máy thử nén, ...		
105	Xác định cường độ bám dính của vữa đã đóng rắn trên nền	TCVN 3121-12:22; ASTM D4541	Máy thử độ bám dính, thùng bảo dưỡng mẫu, tấm đầu kéo, ...		
106	Xác định độ hút nước của vữa đã đóng rắn	TCVN 3121-18:22	Cân kỹ thuật, tủ sấy, thùng ngâm mẫu, ...		
107	Vữa cho bê tông nhẹ: Kích thước hạt cốt liệu lớn nhất, độ lưu động, khả năng giữ độ lưu động của vữa tươi,	TCVN 9028:11	Sàng tiêu chuẩn, cân kỹ thuật, tủ sấy, thước kẹp, bay, chảo trộn, bàn dẫn thiết bị thử lưu động, đồng,		

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Máy móc, thiết bị chính để thực hiện	Thí nghiệm viên thực hiện
	thời gian bắt đầu đông kết, cường độ nén, cường độ bám dính, xác định hệ số hút nước do mao dẫn		hồ bấm giấy, thùng bảo dưỡng mẫu, máy thử nén...	1. Phạm Tuấn Anh 2. Giang Thị Huệ 3. Lê Thị Thanh Vân 4. Nguyễn Trung Toàn 5. Vũ Lan Hương 6. Hoàng Thị Phương Liên 7. Vũ Thị Thanh 8. Phan Ngọc Thủy 9. Nguyễn Hồng Phúc
108	Vữa không co trộn sẵn: Xác định độ chảy, độ tách nước, cường độ nén, thay đổi chiều cao cột vữa trong quá trình đông kết, thay đổi chiều dài vữa đã đóng rắn, độ co khô của vữa	TCVN 9204:12; TCVN 8824:11; EN 445, ASTM C939, C1437, C230, ASTM C827, C1090, ASTM C157, C596	Sàng tiêu chuẩn, cân kỹ thuật, tủ sấy, thước kẹp, bay, chảo trộn, bàn dần thiết bị thử lưu động, đồng, hồ bấm giấy, thùng bảo dưỡng mẫu, máy thử nén...	
109	Vữa chèn cấp dự ứng lực: Xác định lượng vón cục trên sàng, xác định độ chảy, xác định độ giãn nở, xác định độ tách nước và thay đổi thể tích theo phương pháp ống đứng, xác định thời gian đông kết, xác định cường độ nén	TCVN 11971:18, BS EN 447	Sàng tiêu chuẩn, cân kỹ thuật, côn Vicat, khuôn hình trụ, chảo trộn, bàn dần thiết bị thử lưu động, đồng, hồ bấm giấy, thùng bảo dưỡng mẫu, máy thử nén...	
THÍ NGHIỆM HIỆN TRƯỜNG				
110	Đo dung trọng, độ ẩm của đất bằng phương pháp dao đai	TCVN 12791:20; 22TCN 02:1971; TCVN 8729:12; AASHTO T204; BS 1377-9; ASTM D1556	Dao vòng, cân kỹ thuật, thước kẹp, cân kỹ thuật, dụng cụ đào đất,...	
111	Độ ẩm, khối lượng thể tích của đất trong lớp kết cấu bằng phương pháp rót cát	TCVN 8729:12; 22TCN 346:06; ASTM D1556; AASHTO T191; BS 1377-9	Bộ phễu rót cát, cát chuẩn, cân kỹ thuật, tủ sấy, sàng, dao, xẻng, thìa,...	
112	Xác định môđun đàn hồi "E" nền đường bằng tấm ép lớn	TCVN 8861:11; ASTM D1195, D1194; AASHTO T221, T222, T235	Hệ thống cất tải, kích thủy lực, tấm ép cứng, đồng hồ biến dạng, giá đỡ đồng hồ, cát khô, thước ni vô,...	
113	Xác định môđun đàn hồi "E" chung của áo đường bằng cân Belkeman	TCVN 8867:11; AASHTO T256 ASTM D4695	Cân đo vông Benkelman, xe đo vông, kích thủy lực, giấy ô li, nhiệt kế, ...	
114	Xác định độ bằng phẳng bằng thước 3m	TCVN 8864:11; ASTM E950/E1082	Thước thẳng dài 3m, con nêm, chổi quét, ...	
115	Xác định độ nhám mặt đường bằng phương pháp rắc cát	TCVN 8866:11; ASTM E965	Cát tiêu chuẩn, ống đong cát, bàn xoa, bàn chải sắt, thước, cân kỹ thuật, ...	
116	Xác định độ bằng phẳng theo chỉ số độ gồ ghề quốc tế IRI	TCVN 8865:11	Con lắc Anh, thước, nhiệt kế, nước, chổi lông, thùng gỗ,...	
117	Cọc-PP thí nghiệm bằng tải trọng tĩnh ép dọc trục	TCVN 9393:12; ASTM D1143	Hệ thống chất tải, kích thủy lực, tấm nén, đồng hồ biến dạng,...	
118	Thí nghiệm cọc khoan nhồi bằng phương pháp siêu âm	TCVN 9396:12; ASTM D6760	Máy bơm cao áp và ống dẫn áp lực, hệ thống đo chuyển vị đầu cọc, hệ thống đo áp lực, hệ tải	

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Máy móc, thiết bị chính để thực hiện	Thí nghiệm viên thực hiện
			trọng,...	
119	Thí nghiệm cọc bằng phương pháp biến dạng lớn (PDA)	TCVN 11321:16; ASTM D4945	Đầu đo gia tốc, biến dạng, búa, bộ phận ghi dữ liệu,...	1. Phạm Tuấn Anh 2. Giang Thị Huệ 3. Lê Thị Thanh Vân 4. Nguyễn Trung Toàn 5. Vũ Lan Hương 6. Hoàng Thị Phương Liên 7. Vũ Thị Thanh 8. Phan Ngọc Thúy 9. Nguyễn Hồng Phúc
120	Thí nghiệm biến dạng nhỏ (PIT)	TCVN 9397:12; ASTM D5882	Cảm biến gia tốc, , búa, bộ phận ghi dữ liệu PIT,...	
121	Xác định cường độ bê tông bằng súng bật nảy	TCVN 9334:12	Búa Schmidt,...	
122	Phương pháp không phá hoại sử dụng kết hợp máy đo siêu âm và súng bật nảy để xác định cường độ nén bê tông	TCVN 9335:12	Búa Schmidt, thiết bị đo sóng siêu âm...	
123	Phương pháp điện từ xác định chiều dày lớp bê tông bảo vệ, vị trí và đường kính cốt thép trong bê tông	TCVN 9356:12	Thiết bị điện từ phát ra từ trường,...	
124	Xác định môđun biến dạng hiện trường bằng tấm ép phẳng	TCVN 9354:12; ASTM D1194; AASHTO T235; BS 1377-9	Tấm nén, các thiết bị chất tải, neo giữ, đồng hồ đo biến dạng,...	
125	Thí nghiệm nén ngang trong hố khoan (PTM)	ASTM D4429; EN ISO 22476	Mũi xuyên, màng thép, bình khí nén, hộp điều khiển, ...	
126	Xác định lực liên kết cốt thép, Bu lông trong bê tông	TCVN 9490:12; ASTM C900; ASTM E488; ASTM E1512; ASTM D4435; BS 8539	Máy nén, máy kéo bê tông,...	
127	Đánh giá chất lượng bê tông bằng phương pháp xung siêu âm	TCVN 9357:12, BS EN 12504-4:04; ASTM C597:09	Máy phát sóng siêu âm, đầu dò,...	
128	Quan trắc lún công trình, đo chuyển vị ngang, đo độ nghiêng, trắc địa công trình xây dựng	TCVN 9360:12; TCVN 9364:12; TCVN 9400:12; TCVN 9399:12	Máy thủy bình độ chính xác cao, Máy toàn đạc điện tử, ống nghiêng, lắp đặt mốc...	
129	Thí nghiệm xuyên tĩnh (CPT-CPTu)	TCVN 9352:12; TCVN 9846:13; ASTM D3441, D5778; BS 1377	Đầu xuyên, mũi côn, măng xông đo ma sát, cần nối, thiết bị tạo lực nén, thiết bị đo,...	
130	Thí nghiệm xuyên tiêu chuẩn (SPT)	TCVN 9351:12; AASHTO T206; ASTM D1586; BS 1377	Thiết bị khoan tạo lỗ, đầu xuyên, bộ búa đóng, đầu xuyên, cần khoan,...	
131	Thí nghiệm xuyên động (DCP)	ASTM D1586, D6951	Thiết bị xuyên DCP, dụng cụ lắp ghép thiết bị, dầu bôi trơn, ren khóa bộ phận lắp ghép,...	
132	Xác định độ thấm nước của đất bằng thí nghiệm đổ nước trong hố đào và trong hố khoan tại hiện trường	TCVN 8731:12	Vòng chắn, thiết bị nước, thiết bị tự động điều chỉnh mực nước, , đồng hồ bấm giây, thước, ...	
133	Xác định hệ số thấm của	TCVN 9148:12	Máy bơm, dụng cụ đo mực	

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Máy móc, thiết bị chính để thực hiện	Thí nghiệm viên thực hiện	
	đất đá chứa nước bằng phương pháp hút nước thí nghiệm từ các lỗ khoan		nước, dụng cụ đo lưu lượng nước, dụng cụ đo nhiệt độ, ống lọc, nút bịt, ...	1. Phạm Tuấn Anh 2. Giang Thị Huế 3. Lê Thị Thanh Vân 4. Nguyễn Trung Toàn 5. Vũ Lan Hương 6. Hoàng Thị Phương Liên 7. Vũ Thị Thanh 8. Phan Ngọc Thúy 9. Nguyễn Hồng Phúc	
134	Xác định độ thấm nước của đá bằng phương pháp ép nước, nén ngang trong hố khoan trong hố khoan	TCVN 9149:12; ASTM D4719	Máy bơm, dụng cụ đo mực nước, dụng cụ đo lưu lượng nước, dụng cụ đo nhiệt độ, ống lọc, nút bịt khí nén, ...		
135	Thí nghiệm cắt cánh hiện trường (FVT)	22TCN 355:06; ASTM D3441, D2573; AASHTO T223	Đồng hồ cắt cánh, cánh cắt, cần nối, dụng cụ tháo mở, ...		
136	Thí nghiệm CBR hiện trường	TCVN 8821:11; ASTM D4429	Kích gia tải, dụng cụ đo lực, đầu xuyên, đầu nối, cần nối, đồng hồ đo biến dạng, giá đỡ đồng hồ, tấm gia tải, hệ thống chất tải, ...		
DUNG DỊCH BENTONITE/POLYME					
137	Xác định khối lượng riêng, độ nhớt, hàm lượng cát, tỷ lệ chất keo, lượng mất nước, độ pH, độ dày áo sét, độ ổn định, lực cắt tĩnh	TCVN 11893:17; TCVN 13068:20; ASTM D4380; ASTM D4972; ASTM D6910; ASTM D4381; ASTM D6243	Các thiết bị thí nghiệm nhựa.		
PHÂN TÍCH HÓA NƯỚC CHO XÂY DỰNG					
138	Lượng tạp chất hữu cơ	TCVN 4565:88; TCVN 6186:96; ISO 8467:93	Nồi cách thủy, ống nghiệm, buret, bình đong, pipet, ...		
139	Độ pH	TCVN 6492:11; ISO 10523:2008	Cân kỹ thuật, ống đong, bình định mức, giấy chỉ thị pH, nhiệt kế, hóa chất, nước cất, lò nung, ...		
140	Xác định hàm lượng muối hòa tan	TCVN 4560:88	Cốc mô 50ml, ống hút 50ml, bình hút ẩm, tủ sấy, cân kỹ thuật, dung dịch H ₂ O ₂ 10% và nước cất, ...		
141	Hàm lượng ion sunfat (SO ₄ ²⁻)	TCVN 6200:96; ISO 9280:1990	Phễu lọc tùy tinh xốp, bình thủy tinh có vòi, cân kỹ thuật, cát cô bằng bạch kim, Axit clohidric, Bari clorua...		
142	Hàm lượng ion clorua (Cl ⁻)	TCVN 6194:96; ISO 9297:1989	Các thuốc thử (AgNO ₃ , KALI CRONAT, NaCl, HNO ₃ , ...), buret, ...		
143	Hàm lượng natri và Kali	TCVN 6193-3:00	Máy quang phổ hấp thụ nguyên tử (AAS) có trang bị đầu đốt không khí-acetylen, Dung dịch Xesi clorua, muối Natri clorua và Kali clorua ...		
144	Cacbonic (CO ₂ tự do và ăn	TCXD 81:81	Cốc mô, lò sấy, ống hút,		

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Máy móc, thiết bị chính để thực hiện	Thí nghiệm viên thực hiện
	mòn); Độ cứng Cacbonat; Độ cứng toàn phần; Độ cứng không Cacbonat; Hàm lượng CO_3^{2-} và CO_3^{2-} ; Hàm lượng Mn^{2+} ; Hàm lượng Ca^{2+} ; Hàm lượng Mg^{2+} ; Hàm lượng Fe^{2+}		bình hút ẩm, ống chuẩn độ vi lượng, phễu thủy tinh, giấy lọc, ống nghiệm, buret, bình đong, pipet, các loại hóa chất, Bếp điện, lò nung, chén sứ chịu nhiệt...	

2.2. Thông tin về năng lực hoạt động thí nghiệm theo Giấy chứng nhận số 22/GCN-SXD ngày 30/5/2025 của Sở Xây dựng thành phố Hà Nội.

STT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Máy móc, thiết bị chính để thực hiện	Thí nghiệm viên thực hiện
I	CÁC CHỈ TIÊU CƠ LÝ ĐẤT			
1	Khối lượng riêng/tỷ trọng	TB 10102-2023	Tủ sấy, bình tỷ trọng, cân điện tử,....	1. Phạm Tuấn Anh
2	Độ ẩm và độ hút ẩm	TB 10102-2023	Tủ sấy, cân điện tử, hộp nhôm, ...	2. Giang Thị Hué
3	Giới hạn chảy, giới hạn dẻo	TB 10102-2023	Thiết bị Casagrande và dao trộn, tủ sấy, hộp nhôm, sàng tiêu chuẩn, chày cối sứ, tấm kính nhám,...	3. Lê Thị Thanh Vân
4	Thành phần hạt	TB 10102-2023	Bộ sàng tiêu chuẩn, ống đong 1000ml, bình tam giác 250ml, tủ sấy, chày cối sứ, nước cất, tỉ trọng kế, ...	4. Nguyễn Trung Toàn
5	Sức chống cắt trên máy cắt phẳng	TB 10102-2023	Máy cắt phẳng ứng biến và các phụ kiện kèm theo, dao vòng, ...	5. Vũ Lan Hương
6	Tính nén lún trong điều kiện không nở hông	TB 10102-2023	Máy nén tam liên, dao vòng, cân điện tử, ...	6. Hoàng Thị Phương Liên
7	Khối lượng thể tích/dung trọng	TB 10102-2023	Cân kỹ thuật, dao vòng, tấm kính, dao cắt mẫu, thước cặp, ...	7. Vũ Thị Thanh
8	Hàm lượng hữu cơ	TB 10102-2023	Tủ sấy, cân kỹ thuật, bình hút ẩm, cốc nhỏ, sàng, khay đựng mẫu, cốc sứ và chày sứ, ...	8. Phan Ngọc Thúy
9	Các đặc trưng trương nở của đất, đá	TB 10102-2023; TB 10115-2023	Thiết bị thí nghiệm trương nở chuyên dụng, dao vòng, cân kỹ thuật, sàng tiêu chuẩn, dao gạt đất, bộ dụng cụ chế bị mẫu,...	9. Nguyễn Hồng Phúc
10	Các đặc trưng co ngót của đất	TB 10102-2023	Dao vòng, thước kẹp, cân kỹ thuật, dao cắt đất, paraffin, thiết bị dụng cụ xác định độ ẩm, xác định khối lượng thể tích,...	
11	Đặc trưng tan rã của đất	TB 10102-2023	Phao nổi chuyên dụng, lưới có lỗ ô vuông, bình thủy tinh trong suốt, thiết bị dụng cụ xác định độ ẩm của đất, bình giữ ẩm, cân kỹ thuật,...	
12	Đặc trưng lún ướt	TB 10102-2023	Thiết bị thí nghiệm nén lún một chiều, cối chế bị mẫu, nước sạch,...	
13	Hệ số thấm K của đất và cát	TB 10102-2023	Dao vòng chứa mẫu, thiết bị thí nghiệm thấm, dụng cụ chế bị mẫu, nhiệt kế, đồng hồ bấm giây, thước cặp, cân kỹ thuật, dao cắt đất, ...	

STT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Máy móc, thiết bị chính để thực hiện	Thí nghiệm viên thực hiện
14	Sức kháng cắt không có kết - không thoát nước và có kết - thoát nước của đất dính trên thiết bị nén ba trục (UU, CU, CD)	TB 10102-2023	Máy nén ba trục, thiết bị chế tạo mẫu, cân kỹ thuật,...	1. Phạm Tuấn Anh 2. Giang Thị Huệ 3. Lê Thị Thanh Vân 4. Nguyễn Trung Toàn
15	Xác định độ bền nén của đất trong điều kiện có nở hông	TB 10102-2023	Máy nén, đồng hồ biến dạng, đồng hồ bấm giây, cân kỹ thuật, khay đựng mẫu,...	5. Vũ Lan Hương 6. Hoàng Thị Phương Liên
16	Sức chống cắt của đất hạt mịn mềm yếu bằng thí nghiệm cắt cánh ở trong phòng	TB 10102-2023	Thiết bị cắt cánh chuyên dụng trong phòng thí nghiệm, đồng hồ đo, dụng cụ cắt đất, khay đựng mẫu, đồng hồ bấm giây,...	7. Vũ Thị Thanh 8. Phan Ngọc Thúy 9. Nguyễn Hồng Phúc
17	Chỉ số CBR của đất, đá dăm	TB 10102-2023	Thiết bị gia tải, đồng hồ đo biến dạng, cối CBR, tấm đệm, dụng cụ đo độ trương nở, tấm gia tải, bể ngâm mẫu, tủ sấy, cân, sàng, dụng cụ tháo mẫu,...	
18	Đảm nén đất, đá dăm	TB 10102-2023	Cối đầm, chày đầm, dụng cụ tháo mẫu, cân, tủ sấy, sàng tiêu chuẩn, thanh thép gạt, dụng cụ trộn mẫu, hộp giữ ẩm,...	
19	Mô đun đàn hồi đất, đất gia cố, cấp phối đá dăm	TB 10102-2023	Dụng cụ chế bị mẫu, máy nén, cân kỹ thuật, tủ sấy, đồng hồ biến dạng,...	
20	Góc nghi của đất rời	TB 10102-2023	Thiết bị đo góc nghi tự nhiên, thùng chứa nước, sàng, chày gỗ, cối và chày sứ,...	
21	Khối lượng thể tích khô lớn nhất và nhỏ nhất của đất rời	TB 10102-2023	Cối đầm, tủ sấy, cân kỹ thuật, sàng, khay đựng, cối sứ, thùng đựng, thước kẹp, đồng hồ bấm giây, dao trộn đất,...	
II	VẬT LIỆU: CÁT, ĐÁ DĂM, SỎI, CẤP PHỐI			
22	Thành phần hạt và mô đun độ lớn	TB 10102-2023	Bộ sàng tiêu chuẩn, cân điện tử, tủ sấy,...	
23	Khối lượng riêng, khối lượng thể tích và độ hút nước	TB 10115-2023	Cân kỹ thuật, tủ sấy, bình thủy tinh có nắp đậy, thùng ngâm mẫu, khăn thấm nước, khay đựng mẫu, sàng tiêu chuẩn, côn thử độ sụt bằng thép, ...	
24	Khối lượng riêng, khối lượng thể tích và độ hút ẩm của đá góc và cốt liệu lớn	TB 10102-2023; TB 10115-2023	Cân thủy tĩnh, thùng ngâm mẫu, khăn thấm nước, thước kẹp, tủ sấy, bàn chải sắt, ...	
25	Khối lượng thể tích xốp và độ xốp	TB 10115-2023	Cân kỹ thuật, phễu chứa vật liệu, bộ sàng tiêu chuẩn, tủ sấy, thước lá, ...	
26	Độ ẩm	TB 10102-2023; TB 10115-2023	Cân kỹ thuật, tủ sấy, khay đựng mẫu, ...	
27	Hàm lượng bùn, bụi, sét trong cốt liệu và hàm lượng sét trong cốt liệu nhỏ	TB 10102-2023; TB 10115-2023	Cân kỹ thuật, sàng tiêu chuẩn, tủ sấy, khay đựng mẫu, ...	
28	Lượng tạp chất hữu cơ	TB 10102-2023	Ống đồng, cân kỹ thuật, bếp cách	

110
 30
 HỒ
 CT
 1/11

STT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Máy móc, thiết bị chính để thực hiện	Thí nghiệm viên thực hiện
			thùy, thang màu, ...	
29	Thí nghiệm đá, thí nghiệm cường độ (kháng nén) và hệ số hoá mềm của đá gốc	TB 10115-2023	Máy nén thủy lực, máy khoan, máy cưa, thước kẹp, thùng ngâm mẫu, cân kỹ thuật, ...	1. Phạm Tuấn Anh 2. Giang Thị Huệ 3. Lê Thị Thanh Vân
30	Độ nén đập và hệ số hoá mềm của cốt liệu lớn	TB 10115-2023	Máy nén thủy lực, sàng tiêu chuẩn, khuôn nén đập, ...	4. Nguyễn Trung Toàn 5. Vũ Lan Hương
31	Thí nghiệm độ hao mòn khi va đập của cốt liệu lớn trong máy mài mòn và đập Los Angeles, độ cứng của đá.	TB 10102-2023; TB 10115-2023	Máy mài mòn Los Angeles, cân kỹ thuật, sàng tiêu chuẩn, ...	6. Hoàng Thị Phương Liên 7. Vũ Thị Thanh 8. Phan Ngọc Thúy
32	Hàm lượng thoi dẹt trong cốt liệu lớn	TB 10102-2023; TB 10115-2023	Cân kỹ thuật, sàng tiêu chuẩn, thước thoi dẹt, ...	9. Nguyễn Hồng Phúc
33	Hàm lượng hạt mềm yếu và phong hóa	TB 10102-2023	Sàng tiêu chuẩn, cân kỹ thuật, ...	
34	Hàm lượng hạt bị đập vỡ	TB 10102-2023; TB 10115-2023	Cân kỹ thuật, kính lúp, ...	
35	Cường độ nén điểm của đá gốc	TB 10115-2023	Máy nén điểm, thước kẹp, ...	
36	Xác định độ góc cạnh của cát	TB 10102-2023	Ổng đong, phễu, gá đỡ, tấm kính, khay, dao gạt bằng thép, cân kỹ thuật, ...	
37	Xác định mô đun đàn hồi của vật liệu đá gia cố chất kết dính vô cơ, biến dạng nén một trục của đá	TB 10102-2023; TB 10115-2023	Máy nén, thiết bị và bộ khuôn tạo mẫu, đồng hồ, cân kỹ thuật, ...	
38	Xác định cường độ kéo khi ép chèn của vật liệu hạt liên kết bằng các chất kết dính	TB 10102-2023; TB 10115-2023	Máy nén, thiết bị và bộ khuôn tạo mẫu, đồng hồ, cân kỹ thuật, các thiết bị điều chỉnh và kiểm tra nhiệt độ, nhiệt kế, ...	
39	Xác định độ góc cạnh đối với cốt liệu lớn	TB 10102-2023; TB 10115-2023	Sàng tiêu chuẩn, cân kỹ thuật, thùng đong, phễu, thanh gạt bằng thép, ...	

Tổng công ty Tư vấn thiết kế Giao thông vận tải – CTCP (Tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng) chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính đầy đủ, chính xác của thông tin đã công bố./.

Tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng
TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN THIẾT KẾ
GIAO THÔNG VẬN TẢI – CTCP



TỔNG GIÁM ĐỐC
ĐÀO NGỌC VINH

Phụ lục: Thông tin chi tiết thí nghiệm viên để thực hiện các chỉ tiêu thí nghiệm đã công bố
(Kèm theo văn bản "Công bố thông tin về năng lực đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng" ngày 08/04/2026 của Tổng công ty Tư vấn thiết kế Giao thông vận tải -CTCP)

TT	Họ và tên	Năm sinh	Trình độ chuyên môn	Thời gian công tác
1	Phạm Tuấn Anh	1976	1.Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Địa chất công trình – Đại học Mở địa chất. 2.Chứng chỉ quản lý Phòng thí nghiệm chuyên ngành Số 01/CN-TTĐT do trung tâm đào tạo và bồi dưỡng kỹ thuật nghiệp vụ GTVT – Viện khoa học và công nghệ GTVT cấp ngày 24/08/2009. 3.Chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng số BXD 00148899 cấp ngày 27/07/2022 của Bộ xây dựng. 4.Chứng chỉ Nghiệp vụ quản lý chất lượng phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng theo tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017 số 2024.05.169 do Công ty cổ phần chất lượng Quốc Tế cấp ngày 15/5/2024	26 năm
2	Giang Thị Huệ	1982	1.Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Địa chất công trình – Đại học Mở địa chất. 2.Chứng chỉ đào tạo thí nghiệm viên chuyên ngành xây dựng công trình giao thông số 22.163.24/VKHCN-TNV do Viện khoa học và công nghệ GTVT cấp ngày 22/07/2024.	18 năm
3	Nguyễn Trung Toàn	1981	1.Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Địa chất công trình – Đại học Mở địa chất. 2.Bằng nghề thí nghiệm viên kiểm tra chất lượng đường bộ số hiệu 001025249/LĐT BXH-DN do Tổng cục dạy nghề, Bộ lao động thương binh và xã hội cấp ngày 10/04/2008	17 năm
4	Vũ Lan Hương	1974	1.Trình độ chuyên môn: Thí nghiệm viên. 2.Bằng nghề thí nghiệm viên kiểm tra chất lượng đường bộ số hiệu 000130925/LĐT BXH-DN do Tổng cục dạy nghề, Bộ lao động thương binh và xã hội cấp ngày 13/04/2001.	23 năm
5	Hoàng Thị Phương Liên	1980	1.Trình độ chuyên môn: Thí nghiệm viên. 2.Bằng nghề thí nghiệm viên kiểm tra chất lượng đường bộ ô tô số hiệu 000178566/LĐT BXH-DN do Tổng cục dạy nghề, Bộ lao động thương binh và xã hội cấp ngày 01/08/2002.	23 năm
6	Phan Ngọc Thúy	1980	1.Trình độ chuyên môn: Kỹ sư địa chất công trình; 2.Chứng chỉ thí nghiệm viên ngắn hạn số 23.163.24/VKHCN-TNV do do viện KHCN GTVT cấp ngày 22/07/2024	17 năm
7	Nguyễn Hồng Phúc	1983	1.Trình độ chuyên môn: Thí nghiệm viên; 2.Bằng nghề thí nghiệm viên kiểm tra chất lượng đường bộ ô tô số hiệu 000267805/LĐT BXH-DN do Tổng cục dạy nghề, Bộ lao động thương binh và xã hội cấp ngày 05/04/2003.	22 năm
8	Vũ Thị Thanh	1986	1.Trình độ chuyên môn: Thí nghiệm viên; 2.Bằng nghề thí nghiệm viên kiểm tra chất lượng đường bộ ô tô số hiệu 000660206/LĐT BXH-DN do Tổng cục dạy nghề, Bộ lao động thương binh và xã hội cấp ngày 20/03/2006.	19 năm
9	Lê Thị Thanh Vân	1979	1.Trình độ chuyên môn: Kỹ sư địa chất thủy văn – Địa chất công trình;	24 năm

TT	Họ và tên	Năm sinh	Trình độ chuyên môn	Thời gian công tác
			2.Chứng chỉ đào tạo thí nghiệm xây dựng số 512.3/2024/VKH -TNXD ngày 02/12/2004 của viện khoa học công nghệ xây dựng Bộ xây dựng.công trình giao thông số 359/0879/QĐ-ĐHCNGTVT Trường Đại học Công nghệ Giao thông vận tải cấp ngày 14/5/2012;	

